



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 45
8. Phụ lục	46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinafreight (tiền thân là Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại Thương) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận trực thuộc Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302511219 (số cũ: 4103000781), đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 29 tháng 8 năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba ngày 06 tháng 7 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 12 tháng 6 năm 2008 về việc chi tiết danh sách cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm ngày 21 tháng 6 năm 2013 về bổ sung thông tin về Chi nhánh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ sáu ngày 28 tháng 9 năm 2013 về thay đổi địa chỉ của Chi nhánh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ bảy ngày 19 tháng 5 năm 2014 về việc đổi tên Công ty.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ tám ngày 14 tháng 7 năm 2014 về bổ sung thông tin về địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ chín ngày 25 tháng 11 năm 2014 về việc thay đổi tên của Chi nhánh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 38 446 409
- Fax : (028) 38 447 813
- Website : www.vinafreight.com

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafreight tại TP. Hà Nội	Tầng 5, số 25, phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafreight tại TP. Hải Phòng	Phòng 212, tầng 2, số 441 Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP. Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển (đối với đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);



- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS);
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Chu Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Huy Diệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Trương Minh Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Tôn Thất Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Văn Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bích Lâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2008
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2008

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bích Lâm – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Bích Liên
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Đa Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0922/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2017, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		514.578.209.188	417.834.521.097
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	117.050.490.632	85.193.785.369
1. Tiền	111		69.323.672.400	51.446.634.260
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.726.818.232	33.747.151.109
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.583.470.274	43.781.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	28.583.470.274	43.781.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		365.075.207.446	285.269.551.173
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	210.001.573.714	183.050.439.021
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		575.823.319	2.433.135.053
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	6.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	159.886.952.260	110.908.528.043
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(11.389.141.847)	(11.122.550.944)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.869.040.836	3.590.184.555
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	886.858.927	678.402.075
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.982.181.909	2.861.234.544
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	-	50.547.936
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.781.150.711	97.692.377.518
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.999.344.920	6.829.664.626
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	6.999.344.920	6.829.664.626
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.888.109.565	4.504.512.069
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.948.954.886	3.409.650.727
- Nguyên giá	222		13.558.930.126	12.558.702.853
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.609.975.240)	(9.149.052.126)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	939.154.679	1.094.861.342
- Nguyên giá	228		2.639.072.679	2.639.072.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.699.918.000)	(1.544.211.337)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		56.729.887.925	84.964.178.717
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	38.871.052.598	74.470.693.390
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	10.858.835.327	7.293.485.327
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	7.000.000.000	3.200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.163.808.301	1.394.022.106
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.163.808.301	1.394.022.106
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		584.359.359.899	515.526.898.615

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		333.554.716.374	279.670.154.527
I. Nợ ngắn hạn	310		328.048.220.212	274.327.413.965
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	179.981.083.938	135.982.755.460
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		684.277.993	851.367.587
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	5.306.885.709	6.693.494.424
4. Phải trả người lao động	314	V.12	6.003.714.036	7.714.432.975
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	10.552.946.167	5.496.962.839
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		81.443.763	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	64.117.440.380	34.763.118.536
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	50.289.706.824	74.999.168.074
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	11.030.721.402	7.826.114.070
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.506.496.162	5.342.740.562
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	5.506.496.162	5.342.740.562
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		250.804.643.525	235.856.744.088
I. Vốn chủ sở hữu	410		250.804.643.525	235.856.744.088
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	56.000.000.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.000.000.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17	2.402.850.000	2.402.850.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.17	(155.000.000)	(155.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	7.925.977.872	6.925.977.872
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	176.802.582.823	163.567.493.743
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		151.850.465.114	163.567.493.743
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		24.952.117.709	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.17	7.828.232.830	7.115.422.473
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		584.359.359.899	515.526.898.615

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	908.668.249.776	766.035.784.429
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.524.232.898	5.979.394.441
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		907.144.016.878	760.056.389.988
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	868.976.411.516	731.221.628.928
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.167.605.362	28.834.761.060
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.291.440.306	7.138.183.066
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.261.796.532	2.417.859.318
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.674.567.053	1.036.015.326
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	8.156.438.181	8.802.564.476
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	8.359.603.683	5.672.256.677
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	10.570.849.443	12.985.245.187
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.423.234.191	23.700.147.420
12. Thu nhập khác	31		9.830.000	285.952.158
13. Chi phí khác	32		-	293.355.641
14. Lợi nhuận khác	40		9.830.000	(7.403.483)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.433.064.191	23.692.743.937
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	4.917.035.969	3.995.821.744
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	127.994.182
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>26.516.028.222</u>	<u>19.568.928.011</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>24.952.117.709</u>	<u>18.938.898.230</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>1.563.910.513</u>	<u>630.029.781</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>3.931</u>	<u>2.501</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>3.931</u>	<u>2.501</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.433.064.191	23.692.743.937
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	616.629.777	700.662.742
- Các khoản dự phòng	03	V.6	266.590.903	2.869.514.336
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(109.354.212)	(148.527.728)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b; VI.4	(12.800.368.821)	(14.199.746.905)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	1.674.567.053	1.036.015.326
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.081.128.891	13.950.661.708
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34.791.720.948)	(17.135.574.931)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		77.050.985.472	19.462.884.443
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		21.756.953	(2.770.075.040)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.674.567.053)	(1.036.015.326)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(6.260.807.091)	(4.704.566.993)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(2.131.392.668)	(2.090.393.099)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		53.295.383.556	5.676.920.762
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(1.000.227.273)	(116.296.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.717.470.274)	(92.741.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.111.000.000	83.519.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.268.950.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.211.876.880	6.533.133.602
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.605.179.333	(536.212.398)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15a	341.501.799.045	214.035.475.644
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15a	(366.211.260.295)	(222.724.523.276)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14a, 17	(6.269.157.500)	(3.334.578.750)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(30.978.618.750)</i></u>	<u><i>(12.023.626.382)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		31.921.944.139	(6.882.918.018)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	85.193.785.369	107.783.337.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(65.238.876)	(63.067.091)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>117.050.490.632</u>	<u>100.837.352.796</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2017


 Nguyễn Trịnh Phương Thảo
 Người lập biểu


 Lê Thị Ngọc Anh
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Bích Lân
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS); kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế (Vector Aviation)	39B Trường Sơn, lầu 11, tòa nhà Hải Âu, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa.	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (Vietway) ⁽ⁱ⁾	A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa; Đại lý bán vé máy bay.	90,00%	90,00%	94,90%	94,90%
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu Việt Nam	A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

⁽ⁱ⁾ Công ty nắm giữ 45,90% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (Vietway) và 49,00% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế (Vector Aviation).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE) ⁽ⁱ⁾	51 Yên Thế, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Đại lý vận tải hàng hóa	5,00%	30,00%	5,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Dịch vụ vận tải hàng hóa	27,89%	27,89%	27,89%	27,89%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải hàng hóa	23,06%	24,12%	23,06%	24,12%
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) ⁽ⁱⁱ⁾	18 Đặng Thị Nhu phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa	39,00%	39,00%	39,00%	39,00%

(i) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE) 225.000 USD, tương đương 30,00% vốn điều lệ. Trong kỳ, KWE làm thủ tục tăng vốn điều lệ từ 750.000 USD lên thành 5.100.000 USD, tuy nhiên Tập đoàn chỉ đăng ký góp thêm 30.000 USD trong tổng 4.350.000 USD tăng thêm của KWE đã làm cho tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn vào KWE giảm từ 30,00% vốn điều lệ xuống còn 5,00% vốn điều lệ.

(ii) Công ty này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục pháp lý để giải thể.

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 322 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 322 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được chuyển đổi theo tỷ giá xấp xỉ, cụ thể là tỷ giá 22.600 VND/USD cho các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục phi tiền tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với doanh thu/nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với chi phí/nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê quy định trên hợp đồng thuê văn phòng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 - 10 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả khác cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.095.380.361	2.090.421.521
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	66.228.292.039	49.356.212.739
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	47.726.818.232	33.747.151.109
Cộng	117.050.490.632	85.193.785.369

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Trong đó:

- Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 13.135.208.549 VND (số đầu năm là 2.406.247.949 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.15a).
- Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam với số tiền là 3.868.662.700 VND và 3.500,00 USD (số đầu năm là 8.345.904.000 VND và 3.500,00 USD) được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán cho các nhà cung cấp của Công ty theo Hợp đồng cầm cố số VNM CDT 090950/MR.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng) ⁽ⁱ⁾	28.583.470.274	28.583.470.274	43.781.000.000	43.781.000.000
Dài hạn	7.000.000.000	7.000.000.000	3.200.000.000	3.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại các ngân hàng	6.000.000.000	6.000.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
- Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	35.583.470.274	35.583.470.274	46.981.000.000	46.981.000.000

(i) Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với số tiền là 7.887.470.274 VND (số đầu năm là 10.041.000.000 VND) đã được cầm cố để đảm bảo thanh toán cho các hãng hàng không.

(ii) Khoản đầu tư mua 10.000 trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành ngày 25 tháng 11 năm 2016, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm kể từ ngày phát hành đến ngày 25 tháng 11 năm 2026. Lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi và được xác định mỗi kỳ tính lãi theo công thức: Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 1% (một phần trăm)/năm. Lãi phát sinh trên gốc trái phiếu được trả sau, định kỳ hàng năm vào ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trong thời hạn trái phiếu. Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE) ⁽ⁱ⁾	-	-	-	3.565.350.000	32.639.880.448	36.205.230.448
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000.000	3.299.241.413	7.691.241.413	4.392.000.000	3.286.992.314	7.678.992.314

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	13.200.000.000	17.979.811.185	31.179.811.185	13.200.000.000	17.386.470.628	30.586.470.628
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	624.000.000	(624.000.000)	-	624.000.000	(624.000.000)	-
Cộng	18.216.000.000	20.655.052.598	38.871.052.598	21.781.350.000	52.689.343.390	74.470.693.390

- (i) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE) 225.000 USD, tương đương 30,00% vốn điều lệ. Trong kỳ, KWE làm thủ tục tăng vốn điều lệ từ 750.000 USD lên thành 5.100.000 USD, tuy nhiên Tập đoàn chỉ đăng ký góp thêm 30.000 USD trong tổng 4.350.000 USD tăng thêm của KWE đã làm cho tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn vào KWE giảm từ 30,00% vốn điều lệ xuống còn 5,00% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Chuyển sang đầu tư dài hạn khác	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE)	36.205.230.448	7.187.619.740	(39.827.500.188)	(3.565.350.000)	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	7.678.992.314	232.354.194	(219.600.000)	-	(505.095)	7.691.241.413
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	30.586.470.628	736.464.247	-	-	(143.123.690)	31.179.811.185
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	-	-	-	-	-	-
Cộng	74.470.693.390	8.156.438.181	(40.047.100.188)	(3.565.350.000)	(143.628.785)	38.871.052.598

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Ngoại trừ Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) đang hoàn tất thủ tục giải thể, các công ty liên kết khác vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)		
Thu phí dịch vụ chứng từ	17.749.727	31.654.517
Thu phí cước vận tải quốc tế	8.310.545	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí giao nhận, xếp dỡ phải trả	61.282.933	65.450.080
Chia cổ tức	33.000.000	16.500.000
Nhận lãi góp vốn được chia	219.600.000	439.200.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)		
Phí dịch vụ vận tải phải trả	27.536.080	8.733.000
Chia cổ tức	175.000.000	87.500.000
Nhận lãi góp vốn được chia	-	1.980.000.000
Cho mượn tiền	6.000.000.000	-

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE)	3.565.350.000	-	-	-	-
Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vi Na Vinatrans (V truck)	726.150.000	-	726.150.000	-	-
Công ty Liên doanh Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)	4.917.335.327	-	4.917.335.327	-	-
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (Vinalink)	1.650.000.000	-	1.650.000.000	-	3.022.250.000
Cộng	10.858.835.327	-	7.293.485.327	-	-

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1.452.348.759	1.279.114.165
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	1.237.980.319	1.237.980.319
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	15.675.000	13.200.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	198.693.440	21.964.461
Công ty Cổ phần Transimex	-	5.969.385
Phải thu các khách hàng khác	208.549.224.955	181.771.324.856
Công ty TNHH Điện tử Philips Việt Nam	3.880.118.798	10.850.045.089
Công ty Cổ phần Giao nhận Toàn cầu DHL Việt Nam	17.820.183.946	23.855.007.663

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Expeditors Việt Nam	5.584.840.658	18.561.156.694
Công ty TNHH Agility	29.469.176.644	4.137.148.500
Các khách hàng khác	151.794.904.909	124.367.966.910
Cộng	210.001.573.714	183.050.439.021

Trong đó, các khoản phải thu khách hàng trị giá tương đương 1,200,000 USD đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng cầm cố số VNM CDT 090950/MR.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam (là bên liên quan) vay với lãi suất 7% năm, thời hạn vay 3 tháng.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE) – phải thu tiền lợi nhuận được chia	39.827.500.188	-	-	-
Tiền lãi dự thu	-	-	348.346.240	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.285.194.694	-	2.415.246.665	-
Pan Continental Shipping Co., Ltd. – phải thu các khoản tiền chi hộ	10.380.796.714	-	-	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không và bảo đảm cho khoản vay ⁽ⁱ⁾	80.388.370.000	-	79.325.370.000	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	7.571.382.700	-	9.538.704.000	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	3.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Ký quỹ ngắn hạn khác	488.472.426	-	315.871.400	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.945.235.538	-	17.964.989.738	-
Cộng	159.886.952.260	-	110.908.528.043	-

- ⁽ⁱ⁾ Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng trị giá 74.000.000.000 VND (số đầu năm là 74.000.000.000 VND) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.15a).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 3.000.000.000 VND (số đầu năm là 1.000.000.000 VND) đã được ký quỹ để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.15a).

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	-	-	844.000.000	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	1.000.000.000	-	-	-
Ký quỹ dài hạn để thuê văn phòng	5.906.594.920	-	5.717.604.100	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	92.750.000	-	268.060.526	-
Cộng	6.999.344.920	-	6.829.664.626	-

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 1.000.000.000 VND đã được ký quỹ để đảm bảo cho khoản vay mở thư bảo lãnh tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.15a).

6. Nợ xấu

Bên liên quan	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Chuyên phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) – tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	1.237.980.319	-	Trên 3 năm	1.237.980.319	-
Các tổ chức và cá nhân khác		15.608.987.085	5.457.825.557		15.676.870.224	5.792.299.599
	Dưới 6 tháng	921.758.293	921.758.293	Dưới 6 tháng	708.135.543	708.135.543
	Từ 6 tháng đến 1 năm	905.199.267	633.639.487	Từ 6 tháng đến 1 năm	233.676.447	163.573.513
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.664.469.614	2.832.234.807	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	7.854.731.826	3.927.365.913
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.567.309.905	1.070.192.970	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.310.748.772	993.224.630
	Trên 3 năm	4.550.250.006	-	Trên 3 năm	3.569.577.636	-
Cộng		16.846.967.404	5.457.825.557		16.914.850.543	5.792.299.599

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	11.122.550.944	7.439.255.429
Trích lập dự phòng bổ sung	266.590.903	2.869.514.336
Số cuối kỳ	11.389.141.847	10.308.769.765

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	34.310.989	124.799.727
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	8.945.332
Chi phí thuê văn phòng	256.105.998	170.427.780
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	596.441.940	374.229.236
Cộng	886.858.927	678.402.075

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	754.350.575	887.721.358
Các chi phí trả trước dài hạn khác	409.457.726	506.300.748
Cộng	1.163.808.301	1.394.022.106

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.632.973.150	7.490.744.532	2.434.985.171	12.558.702.853
Mua trong kỳ	-	817.887.273	182.340.000	1.000.227.273
Số cuối kỳ	2.632.973.150	8.308.631.805	2.617.325.171	13.558.930.126
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.632.973.150	2.601.074.864	1.739.557.217	6.973.605.231
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.618.345.555	4.607.061.045	1.923.645.526	9.149.052.126
Khấu hao trong kỳ	14.627.595	322.598.646	123.696.873	460.923.114
Số cuối kỳ	2.632.973.150	4.929.659.691	2.047.342.399	9.609.975.240
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	14.627.595	2.883.683.487	511.339.645	3.409.650.727
Số cuối kỳ	-	3.378.972.114	569.982.772	3.948.954.886
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.639.072.679
Số cuối kỳ	2.639.072.679
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	490.800.220
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.544.211.337
Khấu hao trong kỳ	155.706.663
Số cuối kỳ	1.699.918.000
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.094.861.342
Số cuối kỳ	939.154.679
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	48.596.724	12.534.076
Công ty Cổ phần Transimex	48.596.724	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	-	12.534.076
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	179.932.487.214	135.970.221.384
Hãng hàng không Air Asia Berhad	13.780.620.710	10.048.981.169
Hãng hàng không Etihad Airways	119.048.976.417	64.579.107.070
Hãng hàng không Jet Airways (India)	15.275.867.969	11.151.608.725
Các nhà cung cấp khác	31.827.022.118	50.190.524.420
Cộng	179.981.083.938	135.982.755.460

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	878.927.314	-	3.121.385.490	(3.121.152.572)	879.160.232	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.913.282.702	-	4.917.035.969	(6.260.807.091)	3.569.511.580	-
Thuế thu nhập cá nhân	901.284.408	-	2.698.121.273	(2.770.510.671)	828.895.010	-
Tiền thuế đất	-	-	1.876.907.526	(1.876.907.526)	-	-
Các loại thuế khác	-	50.547.936	218.137.498	(138.270.675)	29.318.887	-
Cộng	6.693.494.424	50.547.936	12.831.587.756	(14.167.648.535)	5.306.885.709	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu dịch vụ làm hàng phát sinh tại nước ngoài	Không chịu thuế
- Doanh thu cước quốc tế, vé máy bay quốc tế	0%
- Doanh thu bán nước sinh hoạt	5%
- Doanh thu dịch vụ tiêu thụ nội địa	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh tại từng công ty trong Tập đoàn như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Vinafreight	1.343.603.344	1.540.088.361
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	2.141.220.841	2.193.869.646
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (Vietway)	1.340.429.891	178.249.184
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	91.781.893	83.614.553
Cộng	4.917.035.969	3.995.821.744

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 13.709,34 m² đất đang sử dụng làm nhà kho tại Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với mức giá thuê theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

Khoản trích trước tiền lương tháng 13 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí làm hàng phải trả	7.639.290.007	3.420.192.177
Tiền thưởng năng suất phải trả	850.000.000	920.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.063.656.160	1.156.770.662
Cộng	10.552.946.167	5.496.962.839

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**14. Phải trả khác****14a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	300.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam – Lợi nhuận được chia từ các Công ty con phải trả	300.000.000	500.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	63.817.440.380	34.263.118.536
Kinh phí công đoàn	183.106.847	111.066.276
Cổ tức phải trả	289.647.750	274.305.250
Phải trả các hãng hàng không tiền thu hộ từ bán vé máy bay	28.136.055.997	26.452.575.301
Pan Continental Shipping Co., Ltd. – phải trả các khoản tiền thu hộ	28.283.997.616	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn của Công ty TNHH Henkel Adhesive Technologies Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn của Công ty TNHH Điện tử Philips Việt Nam	613.425.000	613.425.000
Tiền thưởng phải trả người lao động	-	2.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.311.207.170	2.811.746.709
Cộng	<u>64.117.440.380</u>	<u>34.763.118.536</u>

14b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn cho thuê văn phòng.

14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay**15a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	50.289.706.824	74.865.870.770
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	35.294.128.704	69.865.870.770
Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	14.995.578.120	5.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	133.297.304
Cộng	<u>50.289.706.824</u>	<u>74.999.168.074</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng thời kỳ, thời hạn vay 3 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và/hoặc không kỳ hạn thuộc sở hữu của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.1 và V.5a).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động dịch vụ vận tải hàng không với lãi suất được xác định theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 3 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 4.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.5a và V.5b), phần còn lại là vay không có tài sản đảm bảo.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	74.865.870.770	341.501.799.045	(366.077.962.991)	50.289.706.824
Vay dài hạn đến hạn trả	133.297.304	-	(133.297.304)	-
Cộng	74.999.168.074	341.501.799.045	(366.211.260.295)	50.289.706.824

15b. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của Tập đoàn	Tăng khác ⁽ⁱ⁾	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.122.190.633	3.886.900.000	151.100.000	(1.007.018.250)	10.153.172.383
Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ khen thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	703.923.437	1.298.000.000	-	(1.124.374.418)	877.549.019
Cộng	7.826.114.070	5.184.900.000	151.100.000	(2.131.392.668)	11.030.721.402

- (i) Tăng do trích lập từ lợi nhuận của các cổ đông không kiểm soát.

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Transimex	28.559.200.000	24.743.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	6.080.000.000	6.080.000.000
Các cổ đông khác	21.205.800.000	25.022.000.000
Cổ phiếu quỹ	155.000.000	155.000.000
Cộng	56.000.000.000	56.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	15.500	15.500
- Cổ phiếu phổ thông	15.500	15.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.584.500	5.584.500
- Cổ phiếu phổ thông	5.584.500	5.584.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 như sau:

	<u>VND</u>
• Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông đợt 1 bằng tiền mặt (10% mệnh giá - đã thực hiện trong kỳ 2016 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04-16/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 10 năm 2016)	5.584.500.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông đợt cuối bằng tiền mặt (10% mệnh giá)	5.584.500.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.000.000.000
• Trích quỹ phúc lợi	1.346.000.000
- Trích lập tại Công ty	843.000.000
- Trích lập tại các Công ty con	503.000.000
• Trích quỹ khen thưởng cán bộ công nhân viên	2.692.000.000
- Trích lập tại Công ty	1.684.000.000
- Trích lập tại các Công ty con	1.008.000.000
• Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.298.000.000

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**18a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	21.912.439.135	18.017.400.541
Trên 1 năm đến 5 năm	38.604.649.474	42.526.971.840
Cộng	60.517.088.609	60.544.372.381

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18b. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 795.303,88 USD (số đầu năm là 968.052,20 USD).

18c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Phúc Hưng	481.841.430	481.841.430	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Không Gian	185.922.384	185.922.384	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Phòng vé Phạm Nguyên	322.292.338	322.292.338	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Đồi Cánh Việt	305.809.000	305.809.000	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
HTM GSA Group	244.920.368	244.920.368	Công ty này đã giải thể
Công ty TNHH Giao nhận Kho vận Vạn Năng Hà Nội	82.894.142	82.894.142	Công ty này đã bỏ trốn
Công ty TNHH Giao nhận Kho vận Vạn Năng	470.867.448	470.867.448	Công ty này đã bỏ trốn
Các khách hàng khác	239.015.940	239.015.940	Các khách hàng này đã bỏ trốn, giải thể
Cộng	<u>2.333.563.050</u>	<u>2.333.563.050</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cước vận tải quốc tế	665.398.813.905	559.421.018.445
Doanh thu bán vé máy bay	147.808.658.501	135.341.830.316
Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa	82.230.579.022	60.908.091.428
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	13.230.198.348	10.364.844.240
Cộng	<u>908.668.249.776</u>	<u>766.035.784.429</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Transimex Thu phí cước vận tải quốc tế	107.656.131	52.089.333
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam Thu phí dịch vụ	46.132.020	193.903.682

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	729.900.635	357.070.814
Chi phí nhân công	22.302.161.421	21.095.164.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	278.611.675	381.657.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	830.975.244.046	695.534.941.996
Các chi phí khác	14.690.493.739	13.852.794.579
Cộng	868.976.411.516	731.221.628.928

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.509.818.640	3.324.008.581
Cổ tức, lợi nhuận được chia	134.112.000	96.712.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.538.155.454	1.592.472.909
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	109.354.212	148.527.728
Lãi chuyển nhượng vốn	-	1.976.461.848
Cộng	6.291.440.306	7.138.183.066

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.674.567.053	1.036.015.326
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	587.229.479	1.381.843.992
Cộng	2.261.796.532	2.417.859.318

6. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới khai thác hàng.

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.355.984.003	6.043.936.676
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.626.740	30.093.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.018.102	319.005.569
Dự phòng phải thu khó đòi	266.590.903	2.869.514.336
Chi phí thuê văn phòng	936.064.608	901.939.902
Dịch vụ mua ngoài (điện, điện thoại, internet ...)	502.810.861	481.917.186
Các chi phí khác	2.136.754.226	2.338.838.111
Cộng	10.570.849.443	12.985.245.187

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	24.952.117.709	18.938.898.230
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(3.000.000.000)	(4.969.400.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	21.952.117.709	13.969.498.230
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	5.584.500	5.584.500
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.931	2.501

(i) Số liệu ước tính trích lập trong kỳ sau.

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	729.900.635	357.070.814
Chi phí nhân công	28.658.145.424	27.139.101.042
Chi phí khấu hao tài sản cố định	616.629.777	700.662.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	832.414.119.515	696.918.799.084
Chi phí khác	25.488.069.291	24.763.497.110
Cộng	887.906.864.642	749.879.130.792

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	22.977.034.262	22.197.330.718
Trên 1 năm đến 5 năm	39.134.681.250	47.822.313.118
Cộng	62.111.715.512	70.019.643.836

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng) của Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	880.800.000	778.800.000
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	762.056.311	614.950.000
Cộng	1.642.856.311	1.393.750.000

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông nắm giữ 51,14% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 10,89% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Transimex		
Chi cước vận tải quốc tế và phí dịch vụ	219.564.357	116.664.115
Chia cổ tức	2.807.120.000	1.072.350.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam</i>	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí thuê văn phòng	936.064.608	901.939.902
Phí điện, nước của văn phòng thuê	656.208.318	676.403.316
Phí bốc xếp, nâng rỗng, chứng từ	3.163.637	7.099.995
Chia cổ tức	608.000.000	304.000.000
Chia lợi nhuận	504.000.000	476.500.000

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.10 và V.14a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Ngoại trừ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được trích lập đối với khoản phải thu của Công ty TNHH Chuyên phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) (xem thuyết minh số V.6), không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ký quỹ hoặc ứng trước phí dịch vụ đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Phải thu khác

Các khoản phải thu khác của Tập đoàn chủ yếu là các khoản ký quỹ để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không tại các ngân hàng trong nước và lợi nhuận phải thu từ công ty liên kết. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản ký quỹ và lợi nhuận phải thu này.

Đối với các khoản thu chi hộ cho khách hàng là hãng tàu mà Tập đoàn làm đại lý, Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách kiểm soát thường xuyên các khoản thu hộ và chi hộ, đảm bảo các khoản thu hộ luôn cao hơn các khoản chi hộ tại bất kỳ thời điểm nào trong năm.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.050.490.632	-	-	117.050.490.632
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	35.583.470.274	-	-	35.583.470.274
Phải thu khách hàng	193.154.606.310	921.758.293	15.925.209.111	210.001.573.714
Các khoản cho vay	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
Các khoản phải thu khác	163.498.715.335	-	-	163.498.715.335
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.858.835.327	-	-	10.858.835.327
Cộng	526.146.117.878	921.758.293	15.925.209.111	542.993.085.282
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.193.785.369	-	-	85.193.785.369
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.981.000.000	-	-	46.981.000.000
Phải thu khách hàng	166.135.588.478	708.135.543	16.206.715.000	183.050.439.021
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	115.322.946.004	-	-	115.322.946.004
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.293.485.327	-	-	7.293.485.327
Cộng	420.926.805.178	708.135.543	16.206.715.000	437.841.655.721

Thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá là dưới 6 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Phải trả người bán	179.981.083.938	-	179.981.083.938
Vay và nợ	50.289.706.824	-	50.289.706.824
Các khoản phải trả khác	73.637.279.700	5.506.496.162	79.143.775.862
Cộng	303.908.070.462	5.506.496.162	309.414.566.624
Số đầu năm			
Phải trả người bán	135.982.755.460	-	135.982.755.460
Vay và nợ	74.999.168.074	-	74.999.168.074
Các khoản phải trả khác	37.172.675.040	5.342.740.562	42.515.415.602
Cộng	248.154.598.574	5.342.740.562	253.497.339.136

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn cung cấp các dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và bán vé máy bay quốc tế với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	795.303,88	968.052,20
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000,00	400.000,00
Phải thu khách hàng	255.202,15	136.029,18
Các khoản phải thu khác	593.484,96	288.084,58
Phải trả người bán	(7.545.385,04)	(4.532.680,86)
Các khoản phải trả khác	(1.792.461,44)	(589.334,67)
Nợ phải trả thuần có gốc USD	(7.493.855,49)	(3.329.849,57)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay và nợ	-	(133.297.304)
Cộng	1.000.000.000	866.702.696

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 1.650.000.000 VND (số đầu năm là 1.650.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.003.871.249	10.752.151.949
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.887.470.274	10.041.000.000
Phải thu khách hàng	27.240.000.000	27.264.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	77.000.000.000	75.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	1.000.000.000	-
Cộng	<u>130.131.341.523</u>	<u>123.057.151.949</u>

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.050.490.632	-	85.193.785.369	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	35.583.470.274	-	46.981.000.000	-
Phải thu khách hàng	210.001.573.714	(11.389.141.847)	183.050.439.021	(11.122.550.944)
Các khoản cho vay	6.000.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	163.498.715.335	-	115.322.946.004	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.858.835.327	-	7.293.485.327	-
Cộng	<u>542.993.085.282</u>	<u>(11.389.141.847)</u>	<u>437.841.655.721</u>	<u>(11.122.550.944)</u>

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	179.981.083.938	135.982.755.460
Vay và nợ	50.289.706.824	74.999.168.074
Các khoản phải trả khác	79.143.775.862	42.515.415.602
Cộng	<u>309.414.566.624</u>	<u>253.497.339.136</u>

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

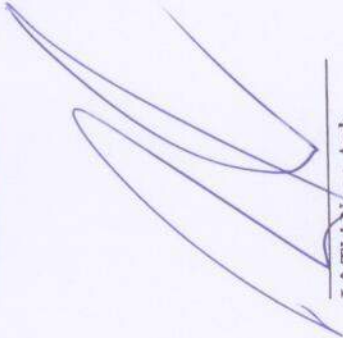
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	5.925.977.872	136.067.334.469	6.949.605.638	207.190.767.979
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	18.938.898.230	630.029.781	19.568.928.011
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	1.000.000.000	(5.969.400.000)	(171.300.000)	(5.140.700.000)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	(2.792.250.000)	(550.000.000)	(3.342.250.000)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	(1.295.374.898)	(269.500.000)	(1.564.874.898)
Số dư cuối kỳ trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	6.925.977.872	144.949.207.801	6.588.835.419	216.711.871.092
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	6.925.977.872	163.567.493.743	7.115.422.473	235.856.744.088
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	24.952.117.709	1.563.910.513	26.516.028.222
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	1.000.000.000	(6.184.900.000)	(151.100.000)	(5.336.000.000)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(5.584.500.000)	(700.000.000)	(6.284.500.000)
Các điều chỉnh khác	-	-	-	-	52.371.371	(156)	52.371.215
Số dư cuối kỳ này	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	7.925.977.872	176.802.582.823	7.828.232.830	250.804.643.525


Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2017




Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc


Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập biểu